

Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống (gam/hs)	Đơn giá /Kg	Thành tiền	Thực phẩm chín/hs	Kcal	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
									Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 2 (24/03)	Thịt lợn kho cá viên	Thịt lợn	gram	45	159,000	7,155	50-52	125.0	Chất đốt	1,000	
		Cá viên	gram	32	120,000	3,840			Lãi dự kiến	400	
	Trứng đào bông	Trứng gà	quả	1	3,300	3,300	30-35	70.0	Khấu hao	200	
	Su su, cà rốt xào	Su su, cà rốt	gram	70	25,000	1,750	50-52	15.0	Nhân công	4,500	
	Canh cải xanh nấu thịt	Cải xanh	gram	30	25,000	750	220-240	15.0	NRB+NL	200	
		Thịt lợn	gram	2	159,000	318			Nước sạch	100	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	21,000	2,520	210-240	412.0			
	Bánh gạo Tràng An	Bánh gạo Tràng An	bánh	2	2,000	4,000		70.0			
	Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					2,000					
	Cộng thứ 2					25,633		707.0		6,400	32,033
Thứ 3 (25/03)	Thịt gà sốt chua ngọt	Thịt gà	gram	100	95,000	9,500	70-75	155.0	Chất đốt	1,000	
	Đậu sốt cà chua	Đậu phụ	gram	65	25,000	1,625	55-60	90.0	Lãi dự kiến	400	
		Cà chua	gram	15	30,000	450			Khấu hao	200	
	Cải thảo xào hành	Cải thảo	gram	75	25,000	1,875	45-50	15.0	Nhân công	4,500	
	Canh bí xanh tôm nõn	Bí xanh	gram	30	25,000	750	220-240	15.0	NRB+NL	200	
		Tôm nõn khô	gram	0.4	600,000	240			Nước sạch	100	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	21,000	2,520	210-240	412.0			
	Bánh gato Hoa Sữa	Bánh gato Hoa Sữa	bánh	1	5,000	5,000		110.0			
	Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					3,000					
	Cộng thứ 3					24,960		797.0		6,400	31,360
Thứ 4 (26/03)	Thịt lợn xay rang mắm	Thịt lợn	gram	78	159,000	12,402	55-60	145.0	Chất đốt	1,000	
	Dưa hấu	Dưa hấu	gram	80	35,000	2,800	60-65	24.0	Lãi dự kiến	400	
	Cải bắp, cà rốt xào	Cải bắp, cà rốt	gram	70	25,000	1,750	50-52	15.0	Khấu hao	200	
	Canh bí đỏ thịt băm	Bí đỏ	gram	30	25,000	750	220-240	15.0	Nhân công	4,500	
		Thịt lợn	gram	2	159,000	318			NRB+NL	200	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	21,000	2,520	210-240	412.0	Nước sạch	100	
	Sữa hộp Hà Nội milk	Sữa hộp Hà Nội milk	hộp	1	5,000	5,000		80.0			
	Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					2,000					
	Cộng thứ 4					27,540		691.0		6,400	33,940



Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống (gam/hs)	Đơn giá /Kg	Thành tiền	Thực phẩm chín/hs	Kcal	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
									Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 5 (27/03)	Chả cốm Làng Vòng chấm chua ngọt	Chả cốm	gram	55	160,000	8,800	40-45	109.0	Chất đốt	1,000	
		Sốt chua ngọt	gram	10	50,000	500			Lãi dự kiến	400	
	Xúc xích xào ngũ sắc	Xúc xích	gram	15	120,000	1,800	35-40	90.0	Khấu hao	200	
		Ngô ngọt hạt	gram	12	80,000	960			Nhân công	4,500	
		Cove, cà rốt	gram	30	30,000	900			NRB+NL	200	
	Cải ngọt xào	Cải ngọt	gram	75	25,000	1,875	45-50	15.0	Nước sạch	100	
	Canh củ quả hầm xương	Khoai tây, cà rốt	gram	30	25,000	750	210-220	15.0			
		Xương lợn	gram	8	80,000	640					
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	21,000	2,520	210-240	412.0			
	Bánh mì cốm tươi	Bánh mì cốm tươi	bánh	1	5,000	5,000		80.0			
	Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					2,000					
	Cộng thứ 5					25,745		721.0		6,400	32,145
Thứ 6 (28/03)	Đùi gà chiên KFC	Tôi gà	gram	140	115,000	16,100	130-140	167.0	Chất đốt	1,000	
	Khoai tây chiên	Khoai tây	gram	80	30,000	2,400	30-32	24.0	Lãi dự kiến	400	
	Canh thịt nấu chua thả giá	Thịt lợn	gram	2	159,000	318	210-240	13.0	Khấu hao	200	
		Cà chua	gram	10	30,000	300			Nhân công	4,500	
		Me	gram	5	50,000	250			NRB+NL	200	
		Giá đỗ	gram	10	25,000	250			Nước sạch	100	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	21,000	2,520	210-240	412.0			
	Chuối Tuấn Việt	Chuối Tuấn Việt	quả	1	2,500	2,500		70.0			
	Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					2,000					
	Cộng thứ 6					26,638		686.0		6,400	33,038

Đại diện Nhà Trường

Ban Bán Trú

Đại diện Công Ty



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bích Huyền

Cm
Nguyễn Thị Bích



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Vân